TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/DS-ST
Ngày 16-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Công Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST-DS, ngày 29-01-2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS ngày 29-7-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-DS ngày 19-8-2024 của Toà án nhân dân huyện Đắk Song, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế T, sinh năm: 1959; địa chỉ: Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N; cùng địa chỉ: Thôn A, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Sang Thị Thu H, sinh năm 1967; địa chỉ: Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thế T trình bày:* Ngày 17-01-2018 ông T cho ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N vay số tiền là 580.000.000 đồng, khi cho vay tiền được lập tHnh văn bản giấy viết tay, có chữ ký xác nhận của ông S và bà N, thời hạn trả số tiền vay là 01 năm, kể từ ngày vay. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông S và bà N chưa trả khoản tiền nào cho ông T, mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu trả nợ nhưng ông S và bà N vẫn không trả. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà N phải trả cho ông T số tiền gốc

580.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất trên số tiền gốc 580.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án:* Bà Sang Thị Thu H thống nhất ý kiến trình bày của ông T và không có ý kiến hoặc yêu cầu gì bổ sung.

Đối với bị đơn là ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N: Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại địa phương được biết ông S và bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông, hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không báo nên chính quyền địa phương không biết. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp Hnh pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử vụ án.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Những tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự, thể hiện ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N số tiền gốc 580.000.000 đồng, đến hạn trả nợ nhưng ông S và bà N không trả. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S và bà N đều vắng mặt không có lý do. Nghĩa vụ chứng minh, theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Như vậy, ông S và bà N là người nợ tiền thì phải có trách nhiệm trả tiền nợ theo thoả thuận. Mặc dù ông T đến đòi nhiều lần nhưng ông S và bà N vẫn không trả nên đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 401, Điều 463, khoản 1 khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Buộc ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải trả cho cho ông T và bà H số tiền gốc 580.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 17-01-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-9-2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông là nơi bị đơn cư trú, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Sang Thị Thu H đều vắng mặt tại phiên toà, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N là bị đơn trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến Hnh xác minh thì được biết ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Trường X, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì trong giao dịch hợp đồng giấy vay tiền viết tay ngày 17-01-2018 có ghi rõ ràng địa chỉ của ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*". Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến Hnh xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ thu thập được thì ông T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải

trả cho ông T số tiền gốc số 580.000.000 đồng và tiền lãi, tính từ ngày 17-01-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-9-2024) theo quy định của pháp luật.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng vay *(giấy vay tiền viết tay)* ngày 17-01-2018 giữa ông T với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N theo đó ông S, bà N vay số tiền 580.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông S, bà N vắng mặt, nhưng ông T yêu cầu Toà án trưng cầu giám định chữ ký của ông S, bà N trong giấy vay tiền ngày 17-01-2018, Kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông số 338/KL-KTHS ngày 26-7-2024, kết luân "1. *Chữ ký mang tên Vũ Thị N trên tài liệu cần giam định (ký hiệu A) so với chữ ký của Vũ Thị N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký ra*. 2. *Chữ ký mang tên Hoàng Lam S trên tài liệu cần giam định (ký hiệu A) so với chữ ký của Hoàng Lam S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký ra*" như vậy, giấy vay tiền viết tay ngày 17-01-2018 giữa ông T với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N là có thật. Việc thỏa thuận những nội dung trong hợp đồng vay giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể đều có đầy đủ năng lực Hnh vi dân sự tại thời điểm giao dịch, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*". Về hiệu lực của hợp đồng được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 401 của Bộ luật dân sự, khoản 1: "*Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác*", khoản 2: "*Từ thời điểm giao kết hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật*". Như vây, hợp đồng vẫn có hiệu lực pháp luật, vì không có sự thỏa thuận nào khác cũng như sửa đổi, hủy bỏ hợp đồng nên các bên phải thực hiện hợp đồng theo cam kết.

[2.2]. Về thời hạn trả nợ: Hợp đồng vay giấy vay tiền viết tay ngày 17-01-2018 giữa ông T với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N theo đó ông S, bà N vay số tiền gốc số 580.000.000 đồng, có thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày 17-01-2018, như vậy thời hạn trả nợ là ngày 17-01-2019, tuy nhiên sau đó ông S, bà N không thực hiện. Đây là việc thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, được quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự, cụ thể "*Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý*". Ông T đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông S, bà N vẫn không thực hiện việc trả nợ và các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ nào khác, theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Ông T đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông S, bà N vẫn không thực hiện việc trả nợ, như vậy ông S, bà N là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.3]. Về yêu cầu lãi suất: Xét Hợp đồng vay giấy vay tiền viết tay ngày 17-01-2018 giữa ông T với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N theo đó ông S, bà N vay số tiền gốc 580.000.000 đồng, có thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày 17-01-2018 nhưng không có thoả thuận lãi suất, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc không trả đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác*". Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi suất trên tổng số tiền chậm trả là 580.000.000 đồng là có căn cứ, xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 17-01-2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 16-9-2024, cụ thể 580.000.000 đồng x 05 năm 07 tháng 29 ngày x 0,83%/01 tháng = 327.191.533 đồng.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T đối với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N. Buộc ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H tổng số tiền 907.191.533 đồng (trong đó số tiền gốc 580.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17-01-2019 đến ngày 16-9-2024 là 327.191.533 đồng).

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thế T yêu cầu Toà án trưng cầu giám định chữ ký của ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N trong giấy vay tiền viết tay ngày 17-01-2018 giữa ông T với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N, ông T tạm ứng tiền giám định là 10.000.000 đồng, đã chi trả tiền giám định hết 7.000.000 đồng, còn thừa 3.000.000 đồng. Do kết luận giám định do cùng một người ký ra, chứng minh yêu cầu giám định của ông Nguyễn Thế T là có căn cứ. Do đó, buộc ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế T số tiền 7.000.000 đồng. Số tiền còn thừa 3.000.000 đồng hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế T (ông Nguyễn Thế T đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng).

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Nguyễn Thế T được chấp nhận nên ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 39.215.745 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thế T số tiền 7.934.000 đồng đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004002 ngày 22-01-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 2 Điều 401, Điều 463, khoản 1 khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T đối với ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N. Buộc ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H tổng số tiền 907.191.533 đồng (trong đó số tiền gốc 580.000.000 đồng và tiền lãi suất là 327.191.533 đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H có đơn yêu cầu thi Hnh án thì Hng tháng ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N còn phải trả cho ông Nguyễn Thế T và bà Sang Thị Thu H tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế T số tiền 7.000.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế T số tiền 3.000.000 đồng còn thừa (ông Nguyễn Thế T đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Hoàng Lam S và bà Vũ Thị N phải nộp 39.215.745 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thế T số tiền 7.934.000 đồng đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004002 ngày 22-01-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hnh án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Công Tài